

## Tuổi kết hôn lần đầu và các yếu tố tác động qua một số kết quả khảo sát

**Trần Thị Cẩm Nhung**  
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Hôn nhân là một thiết chế quan trọng đối với các cá nhân, gia đình và cả xã hội. Ở những quốc gia mà việc sinh con chỉ xuất hiện trong hôn nhân thì tuổi kết hôn lần đầu là một chỉ số dự báo về việc sinh đẻ, là thời điểm mà việc có quan hệ tình dục và mang thai được xã hội chấp nhận. Từ kết quả nghiên cứu của một số cuộc khảo sát quốc tế và ở Việt Nam về tuổi kết hôn lần đầu, bài viết tập trung tìm hiểu một số phương pháp tính tuổi kết hôn lần đầu, thực trạng, xu hướng tuổi kết hôn lần đầu ở một số nước cũng như ở Việt Nam và yếu tố tác động.

**Từ khóa:** Hôn nhân - Gia đình; Kết hôn; Tuổi kết hôn lần đầu; Yếu tố tác động;

Hôn nhân là một thiết chế quan trọng đối với các cá nhân, gia đình và cả xã hội nói chung. Đối với các cá nhân, đó là một sự kiện đáng nhớ và có ý nghĩa lớn lao của cuộc đời, là nền tảng cho quá trình hình thành và xây dựng gia đình. Đối với xã hội, hôn nhân kết nối các cá nhân từ các gia đình khác nhau và hình thành nên “tế bào” của xã hội. Ở những quốc gia mà việc sinh con chỉ xuất hiện trong hôn nhân thì tuổi kết hôn lần đầu là một chỉ số dự báo về việc sinh đẻ, là thời điểm mà việc có quan hệ tình dục và mang thai được xã hội chấp nhận.

Tuổi kết hôn lần đầu là độ tuổi mà các cá nhân lấy vợ/chồng lần đầu tiên. Chỉ báo về tuổi kết hôn lần đầu cho biết thông tin về thực trạng và xu hướng về độ tuổi mà người phụ nữ và nam giới bắt đầu bước vào hôn nhân. Vì thế, tìm hiểu về tuổi kết hôn lần đầu và các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội của tuổi kết hôn lần đầu được các nhà nghiên cứu quan tâm.

## 1. Một số phương pháp tính tuổi kết hôn lần đầu

Có nhiều cách tính tuổi kết hôn lần đầu, có thể tính theo trung bình hoặc trung vị, tính trực tiếp hoặc gián tiếp phụ thuộc vào các cuộc khảo sát hoặc cách thu thập thông tin. Hiện nay, tuổi kết hôn lần đầu trung bình thường chủ yếu được tính theo các cách sau:

1) Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (SMAM - Singulate Mean Age at Marriage) của dân số được tính bằng số năm trung bình mà mỗi người sẽ sống độc thân trong suốt cuộc đời của mình. Cách tính này được dùng để đo lường tình trạng hôn nhân của những người trong độ tuổi từ 15 đến 49 trong các cuộc tổng điều tra hoặc khảo sát. Cách tính này không bị ảnh hưởng bởi việc tái hôn hay cấu trúc tuổi của dân số nhưng bị ảnh hưởng bởi dòng di cư và tỷ lệ tử vong. Hiện nay, tính SMAM đang là một trong những cách tính tuổi kết hôn được sử dụng phổ biến nhất trong các cuộc khảo sát quốc gia trên thế giới (Mattias Lindgren, 2009).

2) Tính tuổi kết hôn trung bình của những người đã từng kết hôn căn cứ vào thông tin về lần kết hôn đầu tiên. Cách tính này phụ thuộc nhiều vào cấu trúc tuổi của dân số tại thời điểm tính toán.

Ở Việt Nam SMAM thường được Tổng cục thống kê áp dụng khi tính tuổi kết hôn trung bình lần đầu trong tổng điều tra dân số và nhà ở các kỳ 1979, 1989, 1999, 2009; điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ, v.v. Tính tuổi trung bình lần đầu của những người đã từng kết hôn thường phổ biến trong các nghiên cứu về xã hội như Điều tra Gia đình Việt Nam 2006...

## 2. Thực trạng, xu hướng tuổi kết hôn lần đầu ở các nước và Việt Nam

Trong những thập kỷ gần đây, tuổi kết hôn ở hầu hết các nước trên thế giới có xu hướng gia tăng. Kết quả nghiên cứu của Narumon Saardchom & Jean Lemaire (2005) ở 156 nước cho thấy tuổi kết hôn trung bình tăng lên ở hầu hết các khu vực trên thế giới (Narumon Saardchom, Jean Lemaire, 2005).

Tuổi kết hôn lần đầu (SMAM) tăng nhanh nhất ở các nước công nghiệp phát triển ở Châu Âu và Mỹ, như Đức (34,1 đối với nam và 31,7 đối với nữ, năm 2011), Italy (34 tuổi đối với nam và 30,6 tuổi đối với nữ, năm

**Bảng 1. Tuổi kết hôn lần đầu trung bình (SMAM) theo giới ở một số quốc gia (Đơn vị tính: Năm)**

	1970	1980	1990	2000	2010	2011	Mức tăng*
<b>Mỹ</b>							
Nữ	21,5	23,3	25,4	26,0	-	26,9	5,4
Nam	23,5	25,2	27,6	27,8	-	28,8	5,3
<b>Đức</b>							
Nữ	-	-	26,1	-	-	31,7	5,6
Nam	-	-	29,8	-	-	34,1	4,3
<b>Nhật Bản</b>							
Nữ	24,7	25,1	26,9	28,6	29,7	-	5,0
Nam	27,5	28,7	30,4	30,8	31,2	-	3,7
<b>Hàn Quốc</b>							
Nữ	23,3	24,1	25,5	27,1	30,1	-	6,8
Nam	27,2	27,3	28,5	30,3	32,9	-	5,7
<b>Trung Quốc</b>							
Nữ	-	22,4	22,1	23,3	24,7	-	2,3
Nam	-	25,1	23,8	25,1	26,5	-	1,4
<b>Thái Lan</b>							
Nữ	22,0	22,8	23,5	24,1	24,7	-	2,7
Nam	24,7	24,9	26,0	27,4	28,2	-	3,5
<b>Malaysia</b>							
Nữ	22,1	23,5	24,6	24,9	25,7	-	3,6
Nam	25,6	26,6	27,9	28,5	27,8	-	2,2
<b>Ấn Độ</b>							
Nữ	17,7	18,7	19,3	20,2	22,0	-	4,3
Nam	22,7	23,4	23,9	24,8	25,9	-	3,2
<b>Bangladesh</b>							
Nữ	16,8	16,9	18,1	18,7	19,4	-	2,6
Nam	24,0	23,9	25,0	25,3	25,0	-	1,0
	<b>1971</b>	<b>1981</b>	<b>1991</b>	<b>2001</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>Mức tăng</b>
<b>Italy</b>							
Nữ	22,6	23,2	26,1	28,9	-	30,6	8,0
Nam	27,2	27,1	29,9	32,0	-	34,0	6,8
<b>Anh</b>							
Nữ	23,1	23,0	26,4	26,3	31,8	-	8,7
Nam	24,2	25,4	28,4	28,1	33,2	-	9,0

Nguồn: Dẫn theo Quandl: <https://www.quandl.com/collections/demography/age-at-first-marriage-female-by-country>

\* Ghi chú: Mức tăng được tính dựa trên các số liệu có theo năm được điền trong bảng nên mức tăng này của các quốc gia có thể khác nhau về khoảng thời gian.

2010, Mỹ (28 tuổi đối với nam và 26 tuổi đối với nữ vào năm 2010) (Lehrer, Chen, 2012).

Kết hôn muộn cũng đã trở thành một xu hướng phổ biến ở nhiều nước châu Á trong nửa thế kỷ qua (Gavin Jones, Wei-Jun Jean Yeung, 2014). Trong thời kỳ 1970-2010, ở Hàn Quốc, tuổi kết hôn trung bình tăng 6,8 tuổi đối với nữ và 5,7 tuổi đối với nam trong khi con số này ở Nhật Bản lần lượt là 5 và 3,7 tuổi. So với các nước Đông Á và Đông Nam Á, tuổi kết hôn trung bình ở các nước Nam Á có mức tăng chậm hơn. Ở Ấn Độ từ 1970 đến 2000, tuổi kết hôn lần đầu trung bình tăng 2,5 tuổi và ở Iran tăng 3,5 tuổi từ 1990-2005 (Gavin Jones, 2010). Cùng với sự gia tăng tuổi kết hôn, khoảng cách giới trong tuổi kết hôn có xu hướng rút ngắn (Bảng 1).

Xu hướng tăng tuổi kết hôn lần đầu không diễn ra ở tất cả mọi quốc gia. Trong khoảng 1 thập kỷ gần đây, ở Bangladesh, tuổi kết hôn lần đầu trung bình của nam giới giảm từ 25,3 năm 2000 xuống 25 tuổi năm 2010 (xem Bảng 1). Ngoài ra, ở một số nước khác như Indonesia hay Sri Lanka, tuổi kết hôn lần đầu trung bình cũng có xu hướng giảm (Gavin Jones, 2010).

Tại Việt Nam, tuổi kết hôn trung bình lần đầu có xu hướng tăng lên đối với nam trong giai đoạn 1989-2015, tuy nhiên lại giảm đối với nữ trong giai đoạn 1989-1999 từ 23,2 xuống còn 22,8 tuổi, sau đó giữ ổn định ở mức 22,8-22,9 tuổi trong giai đoạn 1999-2014 (xem Bảng 2). Điều này đã làm gia tăng thêm khác biệt giới của SMAM. Chênh lệch SMAM của nam và nữ là 3,9 năm vào năm 2014 và 4,1 năm vào năm 2015 (Tổng cục Thống kê, 2016).

Các số liệu trên cho thấy, mức tăng SMAM chung chủ yếu dựa vào việc tăng SMAM của nam giới. Về cơ cấu tuổi kết hôn của nam và nữ theo nơi cư trú, xu hướng kết hôn muộn của phụ nữ ở đô thị thể hiện khá rõ. Năm

**Bảng 2. Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (SMAM) chia theo giới tính, thời kỳ 1989-2015 ở Việt Nam (Đơn vị tính: Năm)**

Năm	Chung	Nam	Nữ	Chênh lệch SMAM (Nam-Nữ)
1989	23,8	24,4	23,2	1,2
1999	24,1	25,4	22,8	2,6
2009	24,5	26,2	22,8	3,4
2014	24,9	26,8	22,9	3,9
2015	24,9	26,9	22,8	4,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2016, Biểu 2.3, trang 37.

2015, SMAM của nữ ở thành thị cao hơn ở nông thôn 2,4 năm (24,3 so với 21,9) trong khi số liệu này ở nam chỉ là 1,6 năm (28,0 so với 26,4). Chênh lệch SMAM giữa nam và nữ ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn, tương ứng là 3,7 năm và 4,5 năm (Tổng cục Thống kê, 2016).

So sánh với các nước trong khu vực có thể thấy rằng, dân số nam ở Việt Nam có xu hướng kết hôn sớm hơn so với một số nước khác ở Đông Nam Á. Một phân tích của Tổng cục Thống kê và UNFPA (2010) cho biết độ tuổi kết hôn trung bình lần đầu (SMAM) của Việt Nam năm 2009 chỉ tương đương với SMAM của Indonesia nhưng thấp hơn của Thái Lan và Malaysia vào năm 2000.

Nhìn chung, tuổi kết hôn ở Việt Nam có xu hướng tăng lên nhưng mức tăng không cao, kết hôn vẫn là hiện tượng phổ biến và là một giá trị để đánh giá dấu mốc trưởng thành của con người, đặc biệt là người phụ nữ. Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá trị truyền thống của hôn nhân dường như vẫn đang được bảo tồn và quan trọng đối với người Việt Nam.

### **3. Các yếu tố tác động đến tuổi kết hôn lần đầu**

Các nghiên cứu trong nước và quốc tế đã chỉ ra mối quan hệ giữa tuổi kết hôn lần đầu và các yếu tố kinh tế-xã hội. Ở cấp quốc gia, việc tăng tuổi kết hôn lần đầu có thể do tác động của nhiều nhân tố như tăng GDP, tăng tỷ lệ phụ nữ nhập học, các chính sách nhà nước, tốc độ đô thị hóa hay tình trạng tham gia quân đội và chiến tranh... Ở cấp độ cá nhân và gia đình, các yếu tố như học vấn, nơi cư trú, đặc điểm gia đình, nghề nghiệp, sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động và sự độc lập về kinh tế, các chuẩn mực và mong đợi đối với phụ nữ và nam giới được coi là có tác động đến tuổi kết hôn lần đầu. Dưới đây trình bày vai trò của một số yếu tố có quan hệ với tuổi kết hôn lần đầu.

#### **3.1 Các yếu tố nhân khẩu - xã hội của cá nhân**

##### *Học vấn*

Nhiều nghiên cứu khẳng định tầm quan trọng của trình độ học vấn đến tuổi kết hôn lần đầu, tuy nhiên ở các mức độ tác động khác nhau. Theo nghiên cứu của Wenzhen Ye (1992) và Mohammad Nazmul Hoq (2013), những người mù chữ có xu hướng kết hôn sớm hơn rõ rệt so với nhóm có trình độ trung học trở lên. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu ở Mexico (Emilio A. Parrado, Rene M. Zenteno, 2002) lại cho thấy mối quan hệ giữa trình độ học vấn và thời gian kết hôn không phải là một đường tuyến tính đơn giản mà là một đường cong. Nam giới có 13 năm đi học trở lên

có xu hướng kết hôn sớm hơn, đặc biệt mạnh ở nhóm đoàn hệ trung niên so với nhóm trẻ hoặc già, gắn liền với các giai đoạn kinh tế phát triển của Mexico. Phụ nữ có từ 13 năm học trở lên không có sự khác biệt đáng kể về thời gian kết hôn so với những người có dưới 7 năm học nhưng những người đi học từ 10-12 năm có khả năng lập gia đình thấp hơn so với những nhóm trình độ học vấn thấp hơn.

Nghiên cứu ở Việt Nam cũng xác nhận mối quan hệ chặt chẽ giữa trình độ học vấn và tuổi kết hôn lần đầu. Nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh (2000b) ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ cho thấy, những nam giới có học vấn phổ thông trung học trở lên kết hôn muộn hơn so với nhóm có học vấn trung học cơ sở khoảng 1,2 năm và muộn hơn so với nhóm mù chữ 1,6 năm.

Các nhà nghiên cứu lý giải tác động của học vấn đến việc kết hôn của phụ nữ gắn liền với sự không chắc chắn về tương lai. Khả năng kinh tế trong tương lai và cơ hội thị trường việc làm của những phụ nữ có trình độ học vấn thấp rất hạn chế và thường giới hạn trong các hoạt động gia đình. Tương tự, triển vọng kinh tế của phụ nữ có trình độ học vấn cao khá chắc chắn; họ là đại diện cho tầng lớp tinh hoa ở Mexico và những đóng góp tiềm năng của họ vào kinh tế hộ gia đình khiến họ trở thành một đối tác tiềm năng. Ngược lại, phụ nữ có trình độ bậc trung phải đối mặt với sự không ổn định lớn nhất về triển vọng kinh tế lâu dài của họ, điều này làm giảm khả năng lập gia đình của họ (Emilio A. Parrado, Rene M. Zenteno, 2002).

#### *Tôn giáo và dân tộc*

Nhiều nghiên cứu ở các nước cho thấy những người theo Thiên chúa giáo có xu hướng kết hôn sớm hơn những người không theo tôn giáo, hoặc theo Phật giáo và một số tôn giáo khác (UN, 1990; Nguyễn Hữu Minh, 2000b) và việc tham gia tôn giáo tác động lên tuổi hôn lần đầu của nữ mạnh hơn so với nam giới (Nguyễn Hữu Minh, 2000b). Ở Sri Lanka, những người theo Đạo Phật và Cơ đốc giáo có xu hướng tăng tuổi kết hôn trong khi những người theo đạo Hồi lại có xu hướng ngược lại (Vu Linh, 2014).

Kết hôn sớm phổ biến ở nhóm dân tộc thiểu số. Số liệu điều tra dân số giữa kỳ 2014 ở Việt Nam chỉ ra rằng khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, nơi có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, tuổi trung bình kết hôn lần đầu (SMAM) thấp nhất trong cả nước (Tổng cục Thống kê, 2015). Tập tục văn hóa của các gia đình người Mông cho phép các em gái ở các thôn cưới chồng khi mới 14 tuổi vẫn còn tồn tại (Jones, Presler-Marshall, Tran Thi Van Anh, 2014).

#### *Nghề nghiệp và địa vị kinh tế xã hội của người phụ nữ*

Việc làm cũng có ảnh hưởng đến tuổi kết hôn lần đầu nhưng có sự khác

biệt giữa nam và nữ theo chiều hướng phức tạp. Ở Nhật, nam giới làm các công việc bán thời gian và những người thất nghiệp ít có xu hướng lấy vợ. Điều này gắn liền với quan niệm về vai trò trụ cột trong gia đình của nam giới và vai trò nội trợ của phụ nữ. Đối với phụ nữ, việc có việc làm bán thời gian làm trì hoãn thời gian kết hôn của phụ nữ với hy vọng sẽ tìm được việc làm ổn định (Martin Piotrowski, Arne Kalleberg, Ronald R. Rindfuss, 2015). Ở Mexico, ảnh hưởng của nghề nghiệp đến thời gian kết hôn cũng có sự khác biệt rõ rệt theo giới nhưng theo chiều hướng khác. Đối với nam giới, sự khác biệt về tuổi kết hôn giữa các nhóm nghề nghiệp tương đối nhỏ. Đáng chú ý, nam giới làm những công việc chuyên môn có khả năng kết hôn thấp hơn những người thất nghiệp. Điều này được lý giải là đối với nam giới có khát vọng vươn lên trong nghề nghiệp, việc kết hôn sớm có thể làm trì hoãn cơ hội nghề nghiệp của họ. Hơn nữa, nam giới có những công việc hứa hẹn thường trì hoãn việc kết hôn cho đến khi có điều kiện kinh tế ổn định, qua đó nâng cao cơ hội của họ trên thị trường hôn nhân. Mối quan hệ giữa việc tham gia thị trường lao động và thời gian kết hôn của phụ nữ khá phức tạp. Những phụ nữ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và sản xuất cho thấy khả năng kết hôn thấp hơn so với những người thất nghiệp. Phụ nữ làm các công việc khác không có tác động đáng kể đến thời gian kết hôn của họ. Điều này thường được giải thích là do hoàn cảnh gia đình của phụ nữ làm những công việc khác nhau (Emilio A. Parrado, Rene M. Zenteno, 2002).

Tác động của nghề nghiệp đến tuổi kết hôn lần đầu trung bình cần được kiểm nghiệm thêm trong nghiên cứu ở Việt Nam. Trong khi kết quả phân tích số liệu Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe năm 1988, Tổng điều tra dân số và Điều tra lịch sử cuộc sống cư dân năm 1991 của Nguyễn Hữu Minh (2000a) cho thấy nghề nghiệp phi nông nghiệp là một trong những nhân tố chủ yếu quyết định khuôn mẫu mới của tuổi kết hôn ở Việt Nam, thì kết quả phân tích dữ liệu Điều tra gia đình nông thôn 2004-2006 tại Yên Bái, Tiền Giang và Thừa Thiên Huế không cho thấy xu hướng tương tự khi sử dụng cùng thang đo nghề nghiệp nông nghiệp và phi nông nghiệp. Điều này có thể do những khác biệt trong quá trình chọn mẫu hoặc cách phân chia nghề nghiệp đơn giản theo thang đo nông nghiệp và phi nông nghiệp đã không còn phù hợp với điều kiện mới. Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam 2006 cho thấy, người làm các công việc có trình độ kỹ thuật có tuổi kết hôn trung bình cao hơn những người làm các công việc lao động chân tay đơn giản với khoảng cách chênh lệch là 2,9 tuổi với nam và 3,4 tuổi với nữ.

Khu vực làm việc cũng có ảnh hưởng đến tuổi kết hôn lần đầu. Những người làm việc trong khu vực nhà nước có tuổi kết hôn cao hơn đáng kể

so với những người làm việc trong khu vực tư nhân hoặc hộ gia đình. Yếu tố làm việc trong khu vực nhà nước tác động đến nữ giới mạnh hơn so với nam giới (Nguyễn Hữu Minh, 2007).

### 3.2. Các yếu tố đặc trưng của gia đình

#### *Nơi cư trú*

Kết quả nghiên cứu của McCarthy năm 1982 (trích theo Wenzhen Ye, 1992) và phân tích số liệu điều tra Nhân khẩu học và Sức khỏe năm 2007 ở Bangladesh của Mohammad Nazmul Hoq (2013) cho thấy nơi cư trú là một trong hai nhân tố quan trọng nhất tác động đến mô hình hôn nhân với tuổi kết hôn cao hơn ở khu vực đô thị. Tuy nhiên, kết quả khảo sát của Wenzhen Ye (1992) lại không cho thấy có sự khác biệt giữa tuổi trung bình kết hôn lần đầu của cư dân nông thôn và đô thị.

Ở Việt Nam, tuổi kết hôn lần đầu trung bình của cả nam và nữ ở đô thị đều cao hơn nông thôn (Tổng cục Thống kê, 2016). Tác động của nơi cư trú đến tuổi kết hôn lần đầu được khẳng định khi đưa vào mô hình hồi quy đa biến trong đó nơi cư trú có tác động đến tuổi kết hôn lần đầu của nam giới mạnh hơn so với nữ (Nguyễn Hữu Minh, 1995, 2007).

#### *Hoàn cảnh gia đình*

Sự gắn bó với gia đình gốc cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới trì hoãn việc hôn nhân, đặc biệt đối với phụ nữ. Kết quả nghiên cứu của Odalia Wong tại Hong Kong với 2.737 đại diện hộ gia đình cho thấy mức độ gắn bó của phụ nữ với gia đình có tác động quan trọng đến tuổi kết hôn lần đầu. Những người phụ nữ có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với gia đình gốc có xu hướng kết hôn muộn hơn. Cụ thể, những người phụ nữ đang là trụ cột kinh tế trong gia đình (đôi khi là trụ cột duy nhất) ít có khả năng kết hôn hơn nhóm còn lại. Như vậy, những quan niệm về đạo hiếu và nghĩa vụ tài chính với gia đình có thể làm trì hoãn việc kết hôn của phụ nữ. Phụ nữ sống trong các gia đình chỉ còn cha/hoặc mẹ (người còn lại đã mất) có xu hướng kết hôn muộn hơn những người sống với cả cha và mẹ để chăm sóc cho cha/mẹ mình (Odalia M. H. Wong, 2005).

### 3.3 Yếu tố văn hóa liên quan đến giá trị hôn nhân và gia đình

Nghiên cứu của Odalia (2005) cho biết những phụ nữ ở Hồng Kông tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống hơn có xu hướng kết hôn sớm hơn và những người vẫn duy trì việc thờ cúng tổ tiên có xu hướng lập gia đình sớm hơn nhóm còn lại.

Kết quả khảo sát tại Hoa Kỳ về thái độ của người dân đối với hôn nhân cho thấy kỳ vọng của thanh niên về tuổi kết hôn lý tưởng có xu hướng tăng



lên. Quan niệm này cùng với xu hướng tự nguyện kết hôn dường như góp phần làm tăng cả tuổi kết hôn lần đầu và số lượng người chưa bao giờ kết hôn (Arland Thornton, Linda Young - DeMarco, 2004).

Theo quan niệm truyền thống ở nhiều nước Châu Á trong đó có Việt Nam, kỳ vọng của cha mẹ đối với người con trai là lập gia đình, sinh con nối dõi tông đường và kỳ vọng đối với con gái là không phải sống cảnh cô đơn khi lớn tuổi, vì vậy, họ cố gắng sắp đặt hôn nhân của con cái hoặc tham gia chính vào việc quyết định hôn nhân của con cái. Những cuộc hôn nhân do cha mẹ sắp xếp thường sớm hơn so với các cuộc hôn nhân khác. Theo nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh (2000b), hôn nhân của nam giới do cha mẹ sắp xếp sớm hơn khoảng 3,6 năm so với những người tự quyết định hôn nhân. Ngoài ra, mặc dù đã có những biến đổi nhất định nhưng phụ nữ Việt Nam hiện nay vẫn chịu áp lực của gia đình đối với việc kết hôn mạnh hơn so với nam giới.

Tương tự, trong nhiều xã hội Châu Á, vị thế của người con trai cả trong gia đình và dòng họ cũng được xem xét khi tìm hiểu về độ tuổi kết hôn lần đầu. Một số nghiên cứu cho thấy tác động không giống nhau của vị thế người con trai cả trong gia đình. Khảo sát tại 3 tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình năm 1995 cho thấy vị thế là người con trai cả không tác động nhiều đến tuổi kết hôn lần đầu (Nguyễn Hữu Minh, 2000b) trong khi cuộc khảo sát tại Yên Bái, Thừa Thiên-Huế và Tiền Giang 2005-2006 lại xác nhận xu hướng kết hôn sớm của người con trai cả so với các con trai khác trong gia đình sau khi các yếu tố khác đã được kiểm soát (Nguyễn Hữu Minh, 2007).

### 3.4. Các yếu tố chính sách vĩ mô

Tác động của yếu tố chính sách đến tuổi kết hôn lần đầu được thể hiện rõ ở châu Á. Có hai nhóm chính sách chính ảnh hưởng đến tuổi kết hôn lần đầu gồm các chính sách về hôn nhân và chính sách về gia đình. Ở Trung Quốc, chính sách kết hôn muộn có ảnh hưởng quan trọng đến việc tăng tuổi kết hôn ở nước này. Chính sách này bắt đầu được thực hiện ở Trung Quốc từ năm 1949 đến 1962 trong đó quy định độ tuổi hợp pháp được kết hôn của phụ nữ là 18 và nam giới là 20. Tiếp đó, từ năm 1971 đến 1979, chính sách này quy định thanh niên nam không lấy vợ trước tuổi 25 và nữ không lấy chồng trước tuổi 23. Dưới tác động của các chính sách này, ngày càng nhiều phụ nữ kết hôn muộn hơn. Rõ ràng, đối với một đất nước bị ảnh hưởng mạnh bởi yếu tố văn hóa truyền thống như Trung Quốc vốn đề cao việc con gái lấy chồng sớm, các hành vi hôn nhân truyền thống cũng đã thay đổi do tác động của chính sách (Gavin Jones, 2010).

Ngoài ra, các chính sách kế hoạch hóa gia đình cũng có ảnh hưởng nhất định tới tuổi kết hôn lần đầu. Tại Trung Quốc, chính sách kế hoạch hóa gia đình kéo dài hơn 30 năm đã dẫn tới tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh ở Trung Quốc từ những năm 1980. Ước tính, sau năm 2020 tỷ lệ giới tính trong nhóm dân số chưa từng kết hôn sẽ lên tới 150 nam/100 nữ và đến năm 2030, tỷ số này là 180 nam/100 nữ. Sự dư thừa nam giới này là một trong những yếu tố quan trọng dẫn tới những khó khăn trong việc tìm bạn đời, sự trì hoãn việc kết hôn và tăng tuổi kết hôn trung bình lần đầu (Quanbao Jiang, Marcus W Feldman, Shuzhuo Li, 2012).

### Kết luận

Tuổi kết hôn lần đầu nhìn chung có xu hướng tăng lên ở hầu khắp các nơi trên thế giới. Có nhiều bằng chứng cho thấy tác động của các yếu tố về hiện đại hóa như trình độ học vấn, mức độ đô thị hóa, sự tham gia của phụ nữ vào thị trường lao động... đến xu hướng này. Theo đó, những yếu tố truyền thống và nông thôn thúc đẩy người ta kết hôn sớm trong khi các yếu tố đô thị hóa và hiện đại hóa dẫn đến việc kết hôn muộn. Tuy nhiên, việc tăng tuổi kết hôn lần đầu ở các nước ngoài phương Tây không chỉ chịu tác động đơn giản từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như dự báo của Goode (1963). Dù tuổi kết hôn lần đầu tăng lên, thậm chí tăng lên đáng kể ở hầu hết các nơi cùng với quá trình công nghiệp hóa, các mô hình tăng tuổi kết hôn diễn ra phức tạp tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng nước.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu cũng cho thấy vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu tuổi kết hôn không nhất quán mà có sự thay đổi tùy thuộc địa bàn, số lượng các yếu tố đưa vào mô hình phân tích cũng như mẫu nghiên cứu. Ngoài ra, ngoại trừ một số nghiên cứu có sử dụng các mô hình phân tích đa biến dựa trên các chỉ số tính toán về tuổi kết hôn cụ thể ở địa bàn khảo sát, còn những số liệu ở quy mô quốc gia gần đây có đề cập đến tuổi kết hôn thường sử dụng chỉ tiêu giả định (SMAM) và không có được hệ thống các biến số độc lập phù hợp. Điều đó đòi hỏi việc xem xét vai trò của các yếu tố nhân khẩu-xã hội tác động đến tuổi kết hôn ở giai đoạn gần đây hơn và với những địa bàn khác nhau là hết sức cần thiết. ■

### Tài liệu trích dẫn

Arland Thornton, Linda Young -DeMarco. 2004. "Four decades of trends in attitudes toward family issues in the United States: The 1960s through the 1990s". *Journal of Marriage and Family*. Vol. 63, No. 4, pp. 1009-1037.

Bộ Văn hoá -Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Nghiên cứu Gia đình

- và Giới, Unicef. 2008. Kết quả điều tra Gia đình Việt Nam 2006. Hà Nội.
- Emilio A. Parrado, Rene M. Zenteno. 2002. "Gender differences in union formation in Mexico: Evidence from marital search models". *Journal of Marriage and Family*, Vol. 64, pp. 756-773.
- Gavin Jones. 2010. "Changing Marriage Patterns in Asia". *Asia Research Institute Working Papers Series*, No.131.
- Gavin Jones, Wei-Jun Jean Yeung. 2014. "Marriage in Asia". *Journal of Family Issues*, Vol. 35 No. 12, pp. 1567-1583.
- Goode William. 1963. *World Revolution and Family Patterns*. Glencoe, Free press.
- Jones, Nicola, Elizabeth Presler-Marshall, Tran Thi Van Anh. 2014. *Early Marriage Among Vietnam's Hmong: How unevenly changing gender norms limit Hmong adolescent girls' options in marriage and life*. Overseas Development Institute.
- Lehrer, Evelyn L., Yu Chen. 2011. "Women's Age at First Marriage and Marital Instability: Evidence from the 2006-2008 National Survey of Family Growth". *Discussion Paper Series IZA DP*, No. 5954. Germany.
- Martin Piotrowski, Arne Kalleberg, Ronald R. Rindfuss. 2015. "Contingent work rising: implications for the timing of marriage in Japan". *Journal of Marriage and Family*, Vol. 77 No. 5, pp. 1039-1056.
- Mohammad Nazmul Hoq. 2013. "Regional differentials of age at first marriage among women in Bangladesh". *Asian Journal of Applied Science and Engineering*, Vol. 2 No. 2, pp. 76-83.
- Narumon Saardchom, Jean Lemaire. 2005. "Causes of Increasing Ages at Marriage: An International Regression Study". *Marriage & Family Review*, Vol. 37, No. 3, pp. 73-97.
- Nguyễn Hữu Minh. 1995. "Tuổi kết hôn lần đầu ở Việt Nam". *Tạp chí Xã hội học*, Số 4 (52), trang 42-63.
- Nguyễn Hữu Minh. 2000a. "Biến đổi kinh tế-xã hội và khuôn mẫu hôn nhân". Patrick Gubry, Nguyễn Hữu Dũng, Phạm Thúy Hương, eds. *Dân số và phát triển ở Việt Nam*. Nxb.Thế giới. Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Minh. 2000b. "Các yếu tố tác động đến khuôn mẫu tuổi kết hôn của dân cư đồng bằng sông Hồng". *Tạp chí Xã hội học*, Số 4, trang 21-32.
- Nguyễn Hữu Minh. 2007. "Khuôn mẫu tuổi kết hôn ở nông thôn Việt Nam và các yếu tố tác động". *Tạp chí Xã hội học*, Số 3, trang 3-14.
- Nguyễn Hữu Minh. 2010. "Tuổi kết hôn ở Việt Nam và yếu tố tác động" *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 5 (Q20), trang 3-15.
- Odalia M. H. Wong. 2005. "The socioeconomic determinants of the age at first marriage among women in Hong Kong". *Journal of Family and Economic*

*Issues*, Vol. 26, No. 4, pp. 529-550.

- Quanbao Jiang, Marcus W Feldman, Shuzhuo Li. 2012. “Marriage squeeze, never-married proportion, and mean age at first marriage in China”. *Population Research and Policy Review*, Vol. 33 No. 2, pp. 189-204.
- Tổng cục Thống kê. 2015. *Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: Các kết quả chủ yếu*. Hà Nội.
- UN. 1990. *Patterns of First Marriage: Timing and Prevalence*. ST/ESA/SER.R/111.
- Vu, Linh. 2014. “Family Dynamics in Vietnam”. *Economic Honors Papers*. Paper 14, <http://digitalcommons.conncoll.edu/econhp/14>.
- Wenzhen Ye. 1992. “China’s “later” marriage policy and its demographic consequences”. *Population Research and Policy Review*, Vol. 11, pp. 51-71.
- Yu-Hua Chen, Chin-Chun Yi. 2005. “Taiwan’s families”. Bert N. Adams and Jan Trost, eds. *Handbook of World Families*. California: Sage Publications.
- Mattias Lindgren. 2009. *Documentation for Age at First Marriage of Women for countries and territories*. Gapdocumentation Number 009. The GapMinder Foundation.
- Tổng cục Thống kê. 2016. *Kết quả chủ yếu Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2015*. Hà Nội.